

Bản án số: 129/2020/HS-ST

Ngày: 07-7-2020

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;
2. Ông Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/HSST-QĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn D, sinh năm 1968 tại Kiên Giang; thường trú: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mười H (đã chết); vợ là Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1969 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Bùi Văn T, sinh năm 1989 tại An Giang; thường trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trường G, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; vợ là Nguyễn Thị M,

sinh năm 1991 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967; thường trú: ấp 6, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: Khu dân cư P, khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1991; thường trú: tổ 15, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn D và Bùi Văn T là thợ làm nhôm kính, cả hai cùng làm việc tại cửa hàng nhôm kính Đ thuộc xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng 07 giờ ngày 19/7/2019, Bùi Văn T và Trần Văn D được chủ của hàng phân công đến nhà bà Nguyễn Thị C tại khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương để sửa khuôn nhôm gắn kính. T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 67D1-296.03 chở D đến nhà bà C. T, D sửa chữa bên trong nhà, bà C làm cơm hộp để giao cho khách ở bên ngoài. Trong lúc sửa chữa có 03 tủ nhựa cản trở nên T và D di chuyển sang một vị trí khác để thuận lợi cho công việc thì phát hiện dưới nền gạch nơi để tủ nhựa có 01 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng cột lại bằng 01 sợi dây thun. D quan sát xung quanh không thấy ai ngoài T nên lấy cọc tiền cất vào túi quần. T nhìn thấy D lấy tiền nhưng không nói gì và nghĩ sẽ yêu cầu D chia phần cho mình. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, do không thấy người mang kính đến nên T bảo D cùng đi đến cửa hàng kính nhưng với mục đích đi để chia số tiền D vừa lấy được. T chở D ra đến một bãi đất trống tại khu phố 8, phường Uyên Hưng, thị xã T, tỉnh Bình Dương. T hỏi D tiền lấy hồi này được bao nhiêu thì D trả lời được 10.000.000 đồng. Nghe vậy, T nói D đem ra đếm lại. D lấy tiền ra đếm lại trước mặt T và nói với T là được 10.000.000 đồng, tuy nhiên thấy số lượng tiền D cầm thì T nghĩ là hơn 10.000.000 đồng. Lúc này, T nói D đưa cho T 1.000.000 đồng thì D đồng ý, D tiếp tục lấy thêm 1.000.000 đồng cất vào người. Số tiền còn lại T bảo D đem giấu vào trong bụi cây gần đó rồi quay về nhà bà C tiếp tục làm việc.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, bà C phát hiện mất tiền nên hỏi T và D nhưng cả hai trả lời không nhìn thấy nên bà C đến Công an phường T trình báo. Quá trình làm việc tại Công an phường T, T và D đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tiền của bà C. Công an phường T phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thu giữ số tiền 23.500.000 đồng tại bãi đất trống thuộc khu phố

8, phường U, thị xã T. Ngoài ra, Công an phường T còn thu giữ đồ vật, vật chứng liên quan gồm:

- Số tiền 1.000.000 đồng; 01 ví da màu đen, trên mặt có chữ Levi's do Trần Văn D giao nộp;

- Số tiền 1.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 67D1-296.03 do Bùi Văn T giao nộp.

Công an phường T lập hồ sơ ban đầu chuyển giao Trần Văn D, Bùi Văn T cùng hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 23/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 25.500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị C.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 67D1-296.03 do bà Nguyễn Thị M là vợ của Bùi Văn T đứng tên chủ sở hữu. Việc T sử dụng xe vào mục đích phạm tội thì bà M hoàn toàn không biết, bà M có yêu cầu nhận lại xe 67D1-296.03.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị C đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác.

Bản Cáo trạng số 89/CT-VKSTU ngày 14-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần Văn D và Bùi Văn T về tội trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, quá trình điều tra, lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận: Ngày 19/7/2019, tại nhà của bà Nguyễn Thị C thuộc khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Trần Văn D và Bùi Văn T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị C lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 25.500.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo về tội D và điều khoản như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên vẫn cố ý phạm tội. Hành vi này thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử các bị cáo thật nghiêm mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

[5] Vụ án này có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo D là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T nhìn thấy bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội liền tiếp thu ý chí chiếm đoạt tài sản của bị hại, đồng thời giúp sức cho bị cáo D cất giấu tài sản. Do đó, bị cáo D phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Các bị cáo nhất thời phạm tội nên mức án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là cao, cần xử mức án nhẹ hơn.

[9] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với tính chất, mức độ tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy 01 ví da màu đen do bị cáo D không nhận lại; trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 67D1-296.03 vì không liên quan đến việc tội phạm.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn D và Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn D** 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn T** 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tính từ ngày tuyên án (07-7-2020).

Giao bị cáo Bùi Văn T cho UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 ví da màu đen trên mặt có chữ Levi's.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 xe mô tô Yamaha Sirius, biển số 67D1-296.03, màu đỏ - đen, số máy 5C6H015745, số khung RLCS5C6H0DY015745, không kiểm tra máy.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Văn D và Bùi Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

Huỳnh Văn Trí